

Bản án số: 236/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày: Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm bà Nguyễn Thị Kiều O với ông Nguyễn Tuấn E chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2011 ngày 25/5/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà O yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tuấn E.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Tuấn E có một con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 21/10/2013. Khi ly hôn bà O yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kiều V và không yêu cầu ông E cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Tuấn E không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Tuấn E không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn E: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn ông Nguyễn Tuấn E vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O khởi kiện yêu cầu “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn” với bị đơn ông Nguyễn Tuấn E. Ông Nguyễn Tuấn E đang ký thường trú tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn”; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Tuấn E đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O và bị đơn ông Nguyễn Tuấn E.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều O:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Tuấn E tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2011 ngày 25/5/2011 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Tuấn E là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày cho rằng trong thời gian đầu bà O và ông E chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Đối với ông Nguyễn Tuấn E, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà O nhưng ông Nguyễn Tuấn E không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà O. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn E vẫn vắng mặt chứng tỏ ông Nguyễn Tuấn E không có thiện chí để hàn gắn tình cảm và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà O vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn E là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Tuấn E có một con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 21/10/2013. Khi ly hôn bà O yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Đối với ông Nguyễn Tuấn E không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu giải quyết của bà O. Xét thấy, tại bản tự khai cháu Nguyễn Thị Kiều V có nguyện vọng sống với bà Nguyễn Thị Kiều O. Do đó, trên cơ sở ý kiến nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển bình thường ổn định của trẻ nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 21/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Kiều O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều O không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn ông Nguyễn Tuấn E không có ý kiến trình bày. Vì vậy các bên không tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tranh chấp tài sản chung. Nếu sau này bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Tuấn E có tranh chấp thì bà O, ông E được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn ông Nguyễn Tuấn E không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn E.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn E.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 21/10/2013. Ông Nguyễn Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị Kiều O** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà **Nguyễn Thị Kiều O** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006624 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà **Nguyễn Thị Kiều O** đã nộp đủ tiền án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- **UBND xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành